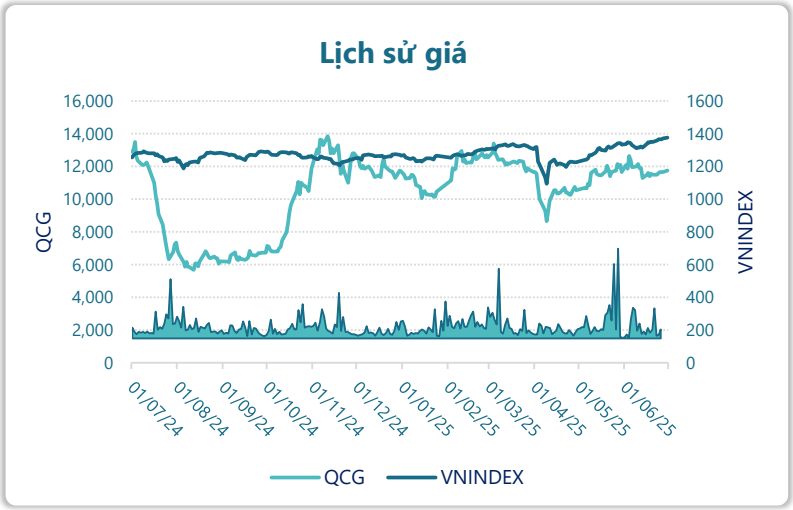
FireAnt

CTCP Quốc Cường - Gia Lai (HSX: QCG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,680
SL cổ phiếu LH	275,129,141
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,072,535
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,233
P/E	31.0
EPS	379

DT thuần

Q2/25

131

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.0| 18.1%

YoY: ▲ 105| 395%

LN sau thuế

Q2/25

1.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.46| -78.5%

YoY: ▲ 19.1| 110%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.8%

+/- YoY: ▲ 47.4%

DT thuần

6T 2025

243

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 178| 272%

LN sau thuế

6T 2025

10.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.6| 160%

ROE

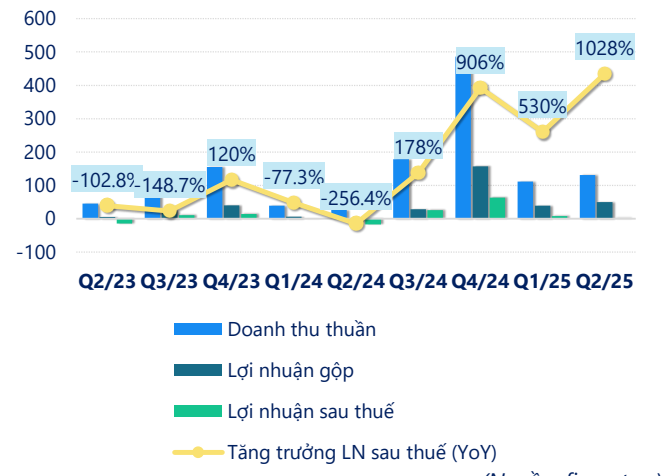
Q2/25

2.3%

+/- YoY: ▲ 2.1%

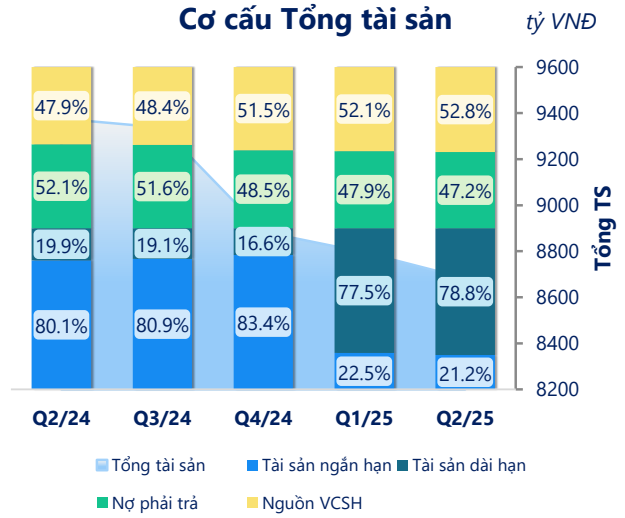
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



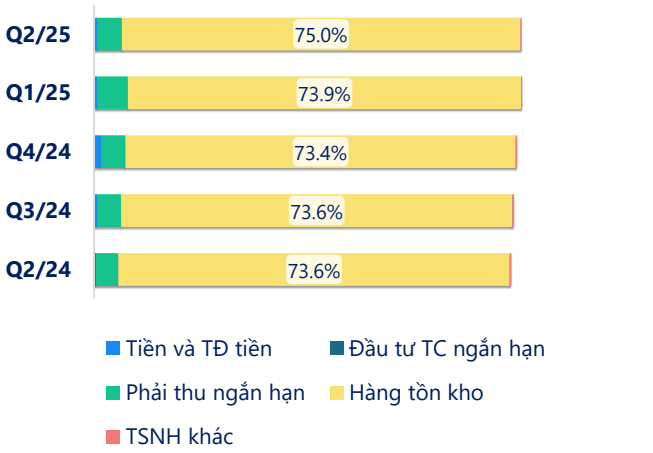
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



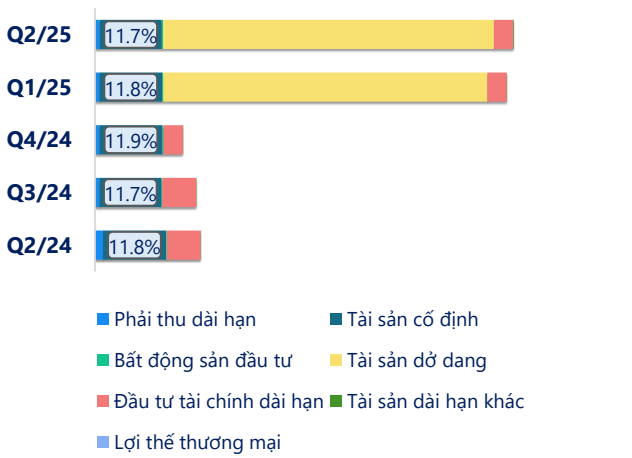
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



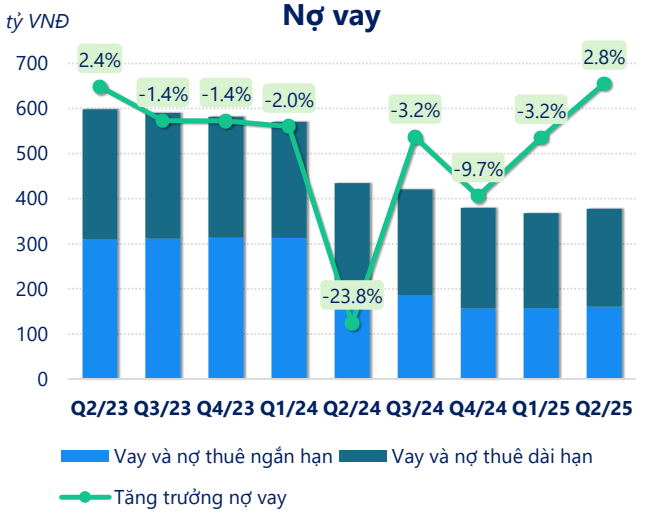
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



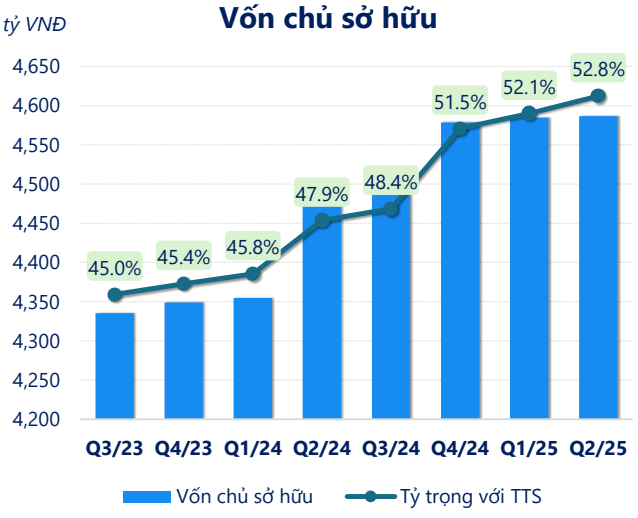
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



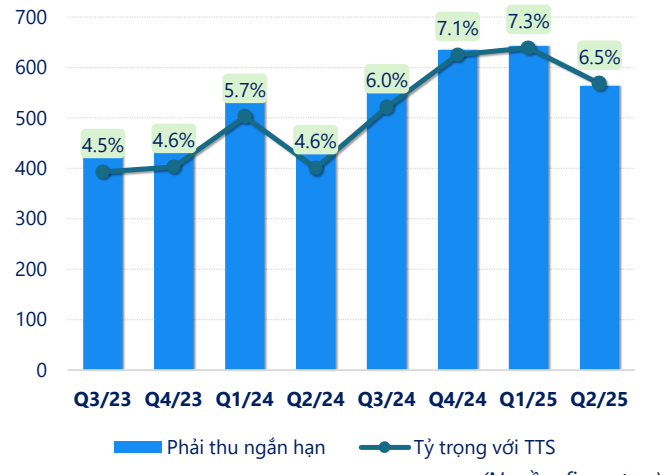
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



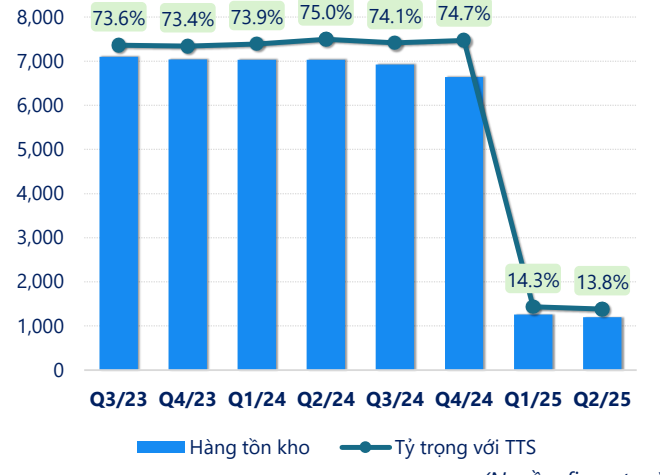
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



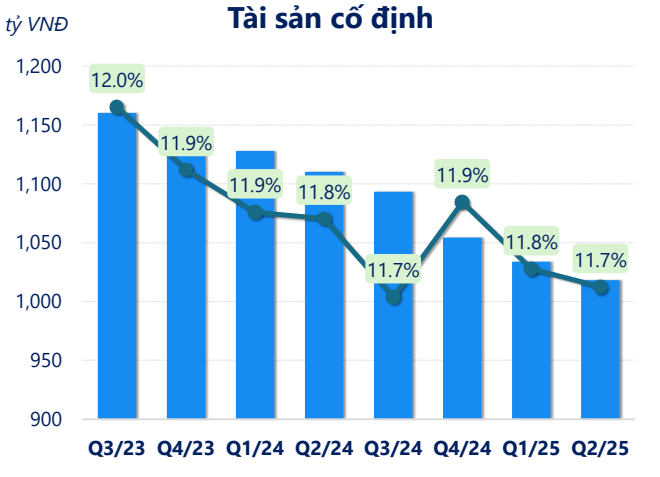
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



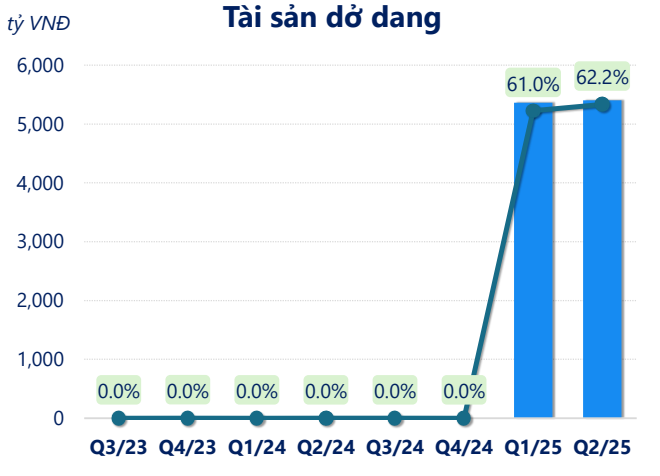
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



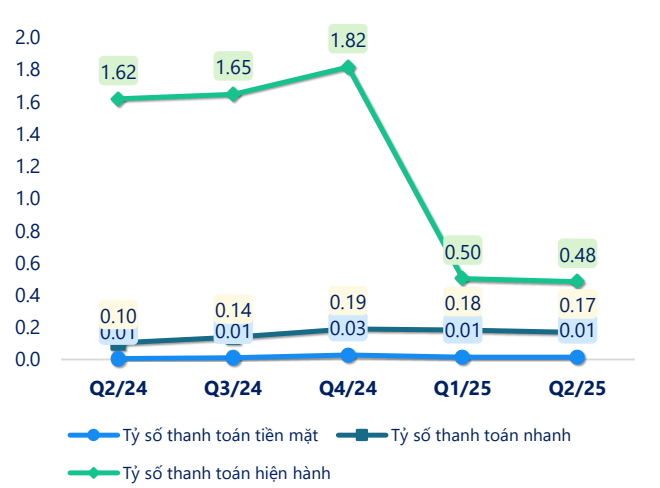
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**9,376**	**9,337**	**8,884**	**8,795**	**8,683**
Tài sản ngắn hạn	**7,509**	**7,555**	**7,413**	**1,982**	**1,844**
Tiền và tương đương tiền	27.6	52.7	115	54.5	55.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	429	557	635	642	564
Hàng tồn kho	7,029	6,923	6,638	1,262	1,201
Tài sản ngắn hạn khác	23.4	23.0	25.2	23.6	24.2
Tài sản dài hạn	**1,867**	**1,782**	**1,471**	**6,813**	**6,839**
Phải thu dài hạn	142	74.3	74.3	74.3	74.3
Tài sản cố định	1,110	1,093	1,054	1,034	1,018
Bất động sản đầu tư	14.6	14.3	20.0	19.8	19.4
Tài sản dở dang	0.22	0.03	0	5,361	5,402
Đầu tư tài chính dài hạn	597	597	319	319	319
Tài sản dài hạn khác	3.15	3.15	3.14	4.89	6.08
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,886**	**4,822**	**4,305**	**4,211**	**4,096**
Nợ ngắn hạn	**4,640**	**4,587**	**4,081**	**3,938**	**3,815**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	188	186	157	157	160
Phải trả người bán ngắn hạn	36.8	37.3	34.2	33.6	43.2
Nợ dài hạn	246	235	224	272	281
Vay và nợ thuê dài hạn	246	235	223	210	217
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,490**	**4,515**	**4,579**	**4,585**	**4,587**
Vốn chủ sở hữu	**4,490**	**4,515**	**4,579**	**4,585**	**4,587**
Vốn điều lệ	2,751	2,751	2,751	2,751	2,751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)